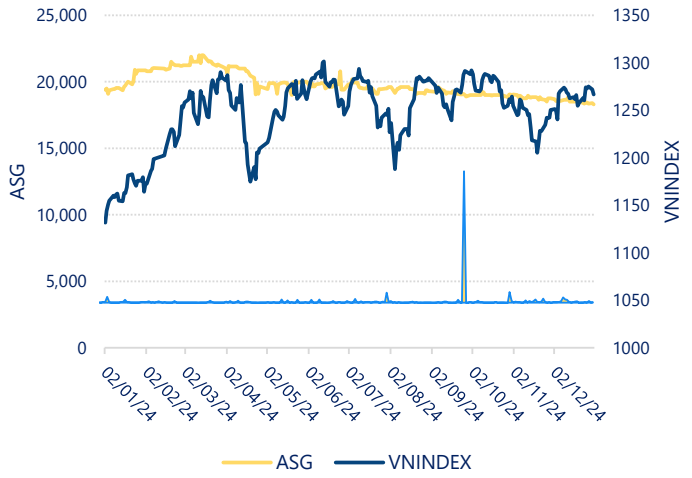
FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH

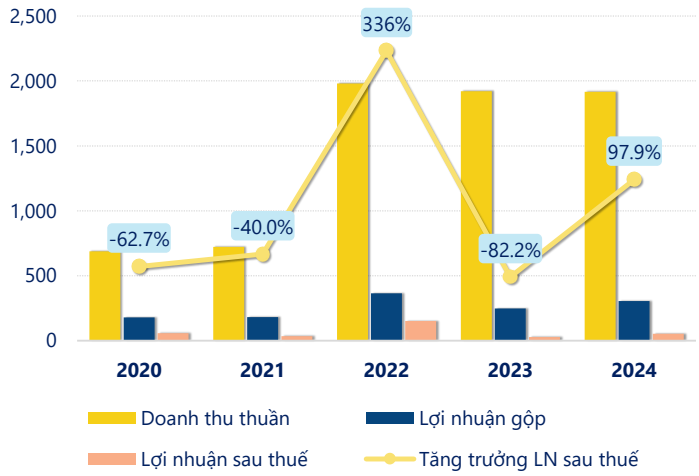
Ngày 31/12/2024	18,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.3%	**-3.7%**	**-8.3%**

Lịch sử giá



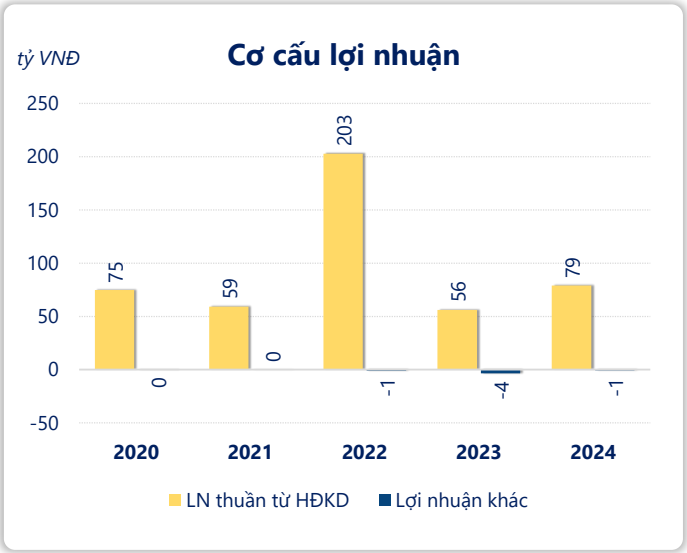
	2024	YoY
DT thuần	**1,916** *tỷ VNĐ*	▼ 4.00 ▼ 0.2%
LN gộp	**305** *tỷ VNĐ*	▲ 56.0 ▲ 22.5%
LN thuần	**78.9** *tỷ VNĐ*	▲ 22.8 ▲ 40.5%
LN sau thuế	**53.5** *tỷ VNĐ*	▲ 26.5 ▲ 97.9%
ROE	**1.4%**	+/- YoY ▲ 1.2%
ROA	**0.9%**	+/- YoY ▲ 0.8%

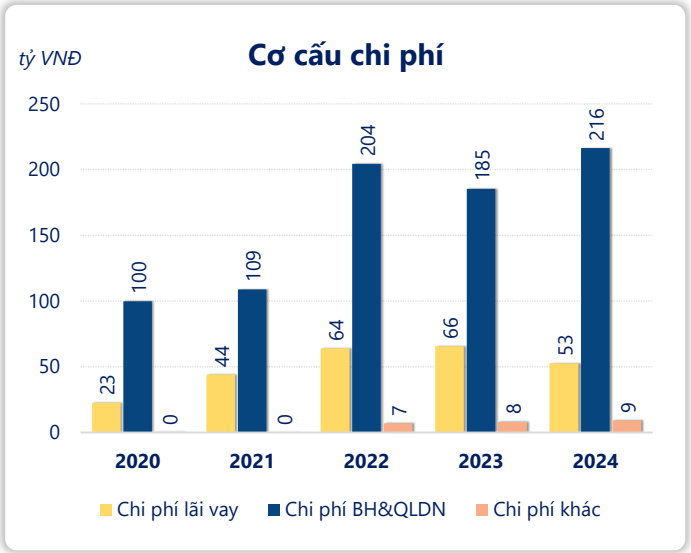
Kết quả kinh doanh



Kết quả kinh doanh **ASG** năm **2024**, doanh thu thuần đạt **1,916** tỷ đồng **giảm 0.22%**, lợi nhuận sau thuế **tăng mạnh 97.9%** đạt **53.48** tỷ đồng.

Lợi nhuận sau thuế có sự tăng trưởng có thể thấy là kết quả của việc tối ưu hóa hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính hiệu quả. Tuy nhiên cần cải thiện hiệu quả hoạt động để tạo sự tăng trưởng ổn định.

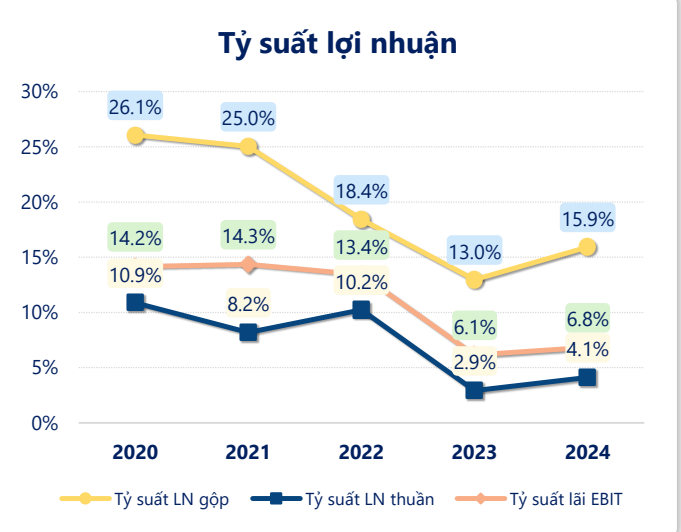


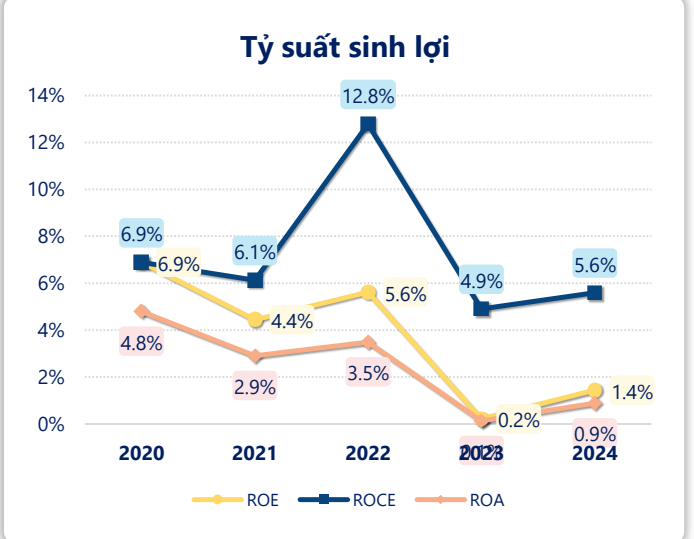


Năm **2024**, **ASG** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **78.86** tỷ đồng, **tăng lên 22.73** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (94.33 tỷ đồng) là 15.48 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

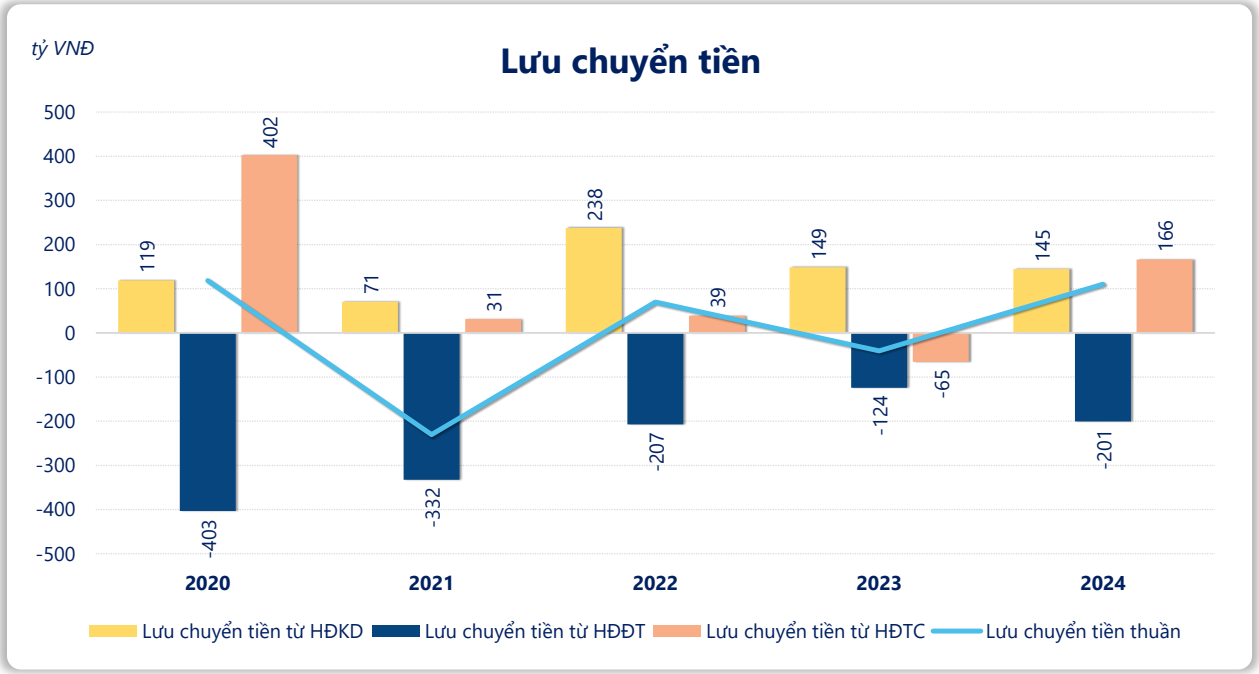
Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **52.73** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên**, ở mức **216.4** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **9.12** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của ASG năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **1.44%**, tuy nhiên vẫn **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**688**	**722**	**1,980**	**1,920**	**1,916**
Giá vốn hàng bán	509	541	1,615	1,671	1,611
Lợi nhuận gộp	**179**	**181**	**365**	**249**	**305**
Doanh thu HĐTC	27.4	30.4	99.8	56.1	48.8
Chi phí TC	32.0	44.0	75.3	65.0	54.5
Chi phí lãi vay	**22.7**	**44.2**	**64.0**	**65.5**	**52.7**
LN trong công ty LKLD	-0.07	0.89	18.1	1.44	-3.93
Chi phí bán hàng	8.06	5.16	8.38	12.4	17.5
Chi phí QLDN	91.8	104	196	173	199
LN thuần từ HĐKD	**74.8**	**59.2**	**203**	**56.1**	**78.9**
Lợi nhuận khác	-0.07	0.26	-1.08	-3.62	-0.76
LN trước thuế	**74.7**	**59.4**	**202**	**52.5**	**78.1**
Lợi nhuận sau thuế	**58.3**	**34.9**	**152**	**27.0**	**53.5**
LNST của CĐ cty mẹ	**81.7**	**60.1**	**90.1**	**4.03**	**28.0**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của ASG bằng **110.2** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-41.00 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **144.5** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-200.6** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **166.3** tỷ đồng.